

ĐỀ XUẤT Ý KIẾN TIẾP TỤC HOÀN THIỆN LUẬT ĐẦU TƯ CÔNG

Thái Bá Cẩn *

Tóm tắt: Luật Đầu tư công số 39/2019/QH13 ngày 13/6/2019 thay thế Luật Đầu tư công số 49/2014/QH13 ban hành ngày 18/6/2014 được sửa đổi, bổ sung bởi: Luật Đầu tư theo phương thức đối tác công tư số 64/2020/QH14 ngày 18/6/2020, Luật Bảo vệ môi trường số 72/2020/QH14 ngày 17/11/2020, Luật số 03/2022/QH15 ngày 11/01/2022 của Quốc hội sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Đầu tư công, Luật Đầu tư theo phương thức đối tác công tư, Luật Đầu tư, Luật Nhà ở, Luật Đấu thầu, Luật Điện lực, Luật Doanh nghiệp, Luật Thuế tiêu thụ đặc biệt và Luật Thi hành án dân sự có hiệu lực kể từ ngày 01/3/2022. Trên cơ sở đó, Luật Đầu tư công được sửa đổi, bổ sung hợp nhất được Văn phòng Quốc hội công bố tại văn bản số 01/ VBHN-VPQH ngày 25 /01/ 2022.

Qua 6 chương, 101 điều, Luật Đầu tư công 2019 đã quy định các nội dung quản lý trước, trong và sau đầu tư các chương trình, mục tiêu, dự án đầu tư công. Do vậy, có tác động tích cực được các cơ quan, tổ chức quản lý, điều hành từ Trung ương đến địa phương các cấp, các Bộ, ngành, các tổ chức tư vấn nghiên cứu áp dụng trong thực tế quản lý hoạt động đầu tư công. Trong quá trình nghiên cứu, áp dụng vào thực tế cho thấy, Luật Đầu tư công 2019 vẫn còn một số hạn chế cần tiếp tục nghiên cứu để bổ sung hoàn thiện.

Từ khóa: Đầu tư công (ĐTC), chương trình, dự án, kế hoạch.

Summary: Public Investment Law No. 39/2019/QH13 dated June 13, 2019 replaces Public Investment Law No. 49/2014/QH13 issued on June 18, 2014, amended and supplemented by: Investment Law according to public-private partnership method No. 64/2020/QH14 dated June 18, 2020, Law on Environmental Protection No. 72/2020/QH14 dated November 17, 2020, Law No. 03/2022/QH15 dated January 11, 2022 of the National Assembly amending and supplementing a number of articles of the Law on Public Investment, Law on Investment in the form of public-private partnerships, Law on Investment, Law on Housing, Law on Bidding, Law on Electricity, Law on Enterprises, Law on Taxation Special Consumption and Civil Judgment Enforcement Law takes effect from March 1, 2022. On that basis, the amended, supplemented and consolidated Law on Public Investment was announced by the Office of the National Assembly in document No. 01/VBHN-VPQH dated January 25, 2022. Through 6 chapters and 101 articles, the 2019 Public Investment Law stipulates the contents of pre-, during and post-investment management of public investment programs, goals and projects. Therefore, it has a positive impact

.....

* Trường ĐH KD&CN Hà Nội

that is applied by management and operating agencies and organizations from central to local levels, ministries, branches, and research consulting organizations in actual operations management. government’s Invest. During the process of research and application in practice, it has been shown that the 2019 Public Investment Law still has some limitations that need to be further researched to supplement and complete.

Keywords: Public investment, programs, projects, plans.

Ưu điểm của Luật Đầu tư công

1. Việc triển khai đầu tư công (ĐTC) được quản lý chặt chẽ với vai trò, trách nhiệm của các chủ thể được giao nhiệm vụ quản lý vốn đầu tư công, như Quốc hội, Hội đồng Nhân dân các cấp, các cơ quan Trung ương, Ủy ban Nhân dân các cấp.

2. Đã xác lập vai trò chủ trương đầu tư, vừa là công cụ để quản lý nhà nước, vừa là công cụ quản lý điều hành tất cả các chương trình (chương trình mục tiêu quốc gia, chương trình ĐTC), dự án ĐTC (dự án quan trọng quốc gia, dự án nhóm A, B, C).

3. Lần đầu tiên thiết lập được hệ thống kế hoạch ĐTC trung hạn gắn với kế hoạch đầu tư hàng năm. Do đó, đã tạo nên tính chủ động cho các chủ thể quản lý và điều hành việc triển khai thực hiện các dự án ĐTC từ Trung ương (các bộ, ngành, các tổ chức chính trị - xã hội, đoàn thể cấp Trung ương) đến các cấp chính quyền địa phương.

4. Làm rõ được trình tự, thủ tục, điều kiện, nguyên tắc quản lý, tính công khai, minh bạch trong quá trình quản lý chương trình, dự án ĐTC.

5. Xác định khá đầy đủ nhiệm vụ, quyền hạn, trách nhiệm của các cơ quan, tổ chức, cá nhân trong hoạt động ĐTC để đánh giá, xử lý trách nhiệm đối với các cá nhân, tổ chức, cơ quan tham gia hoạt

động và quản lý ĐTC theo quy định của pháp luật.

Những vướng mắc, tồn tại cần nghiên cứu khắc phục

1. Việc hướng dẫn triển khai thực hiện dự án theo Luật Đầu tư công (nêu ở Chương II) bắt buộc toàn bộ dự án, chương trình ĐTC đều phải lập báo cáo chủ trương đầu tư (trong đó có nhiều dự án thuộc nhóm B, C có quy mô vừa và nhỏ chiếm tỷ trọng lớn trong danh mục các dự án đầu tư của kế hoạch đầu tư hàng năm). Vì trong báo cáo xin chủ trương đầu tư có các chỉ tiêu kinh tế - kỹ thuật còn ở mức tạm tính, dự tính, nhưng lại là chỉ tiêu khống chế cho các giai đoạn tiếp theo của quy trình đầu tư, như nghiên cứu tiền khả thi, nghiên cứu khả thi, quyết định đầu tư,... phải tuân thủ chấp hành, không được phép vượt qua các bước tiếp theo khi triển khai thực hiện. Nếu các chỉ tiêu kinh tế - kỹ thuật trong báo cáo chủ trương đã được phê duyệt không phù hợp với yêu cầu thực tế của giai đoạn đó, thì phải xin điều chỉnh chỉ tiêu trong báo cáo chủ trương đầu tư của các cấp chính quyền. Do đó, làm tăng thêm thời gian, trình tự xử lý (xin phép để tính lại, điều chỉnh lại các chỉ tiêu kinh tế - kỹ thuật) dẫn đến tăng chi phí ở các giai đoạn sau. Từ đó gây lãng phí vốn ĐTC của ngân sách nhà nước (NSNN), kéo dài thời gian

xây dựng, ảnh hưởng đến mục tiêu của ĐTC, hiệu quả đầu tư giảm.

2. Kế hoạch ĐTC trung hạn tuy lập 5 năm 1 lần, nhưng điều kiện để được bố trí vào kế hoạch buộc tất cả các chương trình, dự án phải có báo cáo chủ trương đầu tư được cấp thẩm quyền phê duyệt. Trong báo cáo đề xuất chủ trương đầu tư có nhiều chỉ tiêu kinh tế - kỹ thuật còn ở mức dự kiến (tạm tính), sơ bộ (như mục tiêu đầu tư, tiến độ, xây dựng,...). Nhưng lại tác động trực tiếp đến chất lượng kế hoạch. Đó là nhân tố làm cho việc triển khai kế hoạch chậm và thiếu chính xác. Do đó, tính khả thi của nội dung này không cao, dẫn đến thất thoát, lãng phí vốn ĐTC.

3. Kế hoạch đầu tư công dài hạn, trung hạn, cũng như kế hoạch đầu tư hàng năm chưa làm rõ nội dung của kế hoạch khối lượng và kế hoạch vốn. Trong công tác quản lý và điều hành kế hoạch đầu tư, nếu không phân biệt giữa kế hoạch đầu tư xây dựng nói chung với ĐTC nói riêng sẽ ảnh hưởng đến giải ngân vốn đầu tư, làm tăng nợ đọng xây dựng cơ bản, chậm tiến độ thực hiện chương trình, thực hiện dự án đầu tư, tăng chi phí xây dựng, gây thất thoát, lãng phí vốn đầu tư, hiệu quả đầu tư thấp.

4. Về khái niệm “đầu tư công”, nêu ở khoản 15, điều 4 của Luật Đầu tư công năm 2022: “Đầu tư công là hoạt động đầu tư của nhà nước vào các chương trình, dự án và các đối tượng đầu tư công khác theo quy định của Luật Đầu tư công”. Trong thực tế đã có nhiều chương trình, dự án ĐTC do cộng đồng, cá nhân tổ chức, tham gia xây dựng như: xây dựng nông thôn

mới, các trường học ở miền núi, cụm nhà ở Tây Nam bộ, nhà tình nghĩa. Do vậy, để huy động mọi nguồn lực cho ĐTC, cần thiết phải coi trọng mọi cá nhân, tổ chức được tham gia đầu tư công. Do đó, khái niệm ĐTC cần được bổ sung rộng hơn cho phù hợp với thực tế.

5. Về lĩnh vực ĐTC quy định tại Điều 8, Điều 9, Điều 10 về tiêu chí phân loại các nhóm dự án (A, B, C) thì lĩnh vực ĐTC lại bao gồm nhiều sản phẩm dịch vụ, nhưng chưa rõ có phục vụ cho công ích hay không, như: xây dựng nhà ở, hóa dược, vật liệu, thiết bị thông tin điện tử, kỹ thuật điện,... Những sản phẩm của các ngành này thuộc lĩnh vực hoạt động kinh doanh, có khả năng thu hồi vốn, nên không thuộc đối tượng đầu tư từ vốn NSNN – tức nguồn vốn ĐTC. Vì vậy, khái niệm ĐTC cần được nghiên cứu, xem xét toàn diện hơn để huy động các nguồn vốn cho ĐTC.

6. Để đảm bảo thực hiện chương trình ĐTC, dự án ĐTC theo quy định tại điều 14 là phải công khai, minh bạch về nội dung (có 11 nội dung) và trách nhiệm của người đứng đầu cơ quan, tổ chức, đơn vị thực hiện chương trình, dự án ĐTC, thì theo Luật Đầu tư công, người quyết định đầu tư, đồng thời cũng là người điều hành chỉ đạo các tổ chức cá nhân thực hiện. Như vậy, chưa đảm bảo tính khách quan, cần quy định Luật Đầu tư công có các tổ chức tư vấn độc lập có uy tín tham gia vào quá trình thẩm định chủ trương, thẩm định quyết định đầu tư, giám sát đầu tư, đánh giá chất lượng công trình dự án ĐTC, nhất là các dự án quan trọng quốc gia, dự án nhóm A.

7. Cần hạn chế, hoặc quy định chặt chẽ hơn các nội dung có thể làm gia tăng vốn ĐTC do các nguyên nhân như sau:

- Các chỉ tiêu phản ánh chủ trương đầu tư mới chỉ là dự kiến sơ bộ, chưa tính toán chính xác, nhưng lại là căn cứ pháp lý để triển khai thực hiện dự án ở các bước tiếp theo, làm cho thời gian bị kéo dài, tăng chi phí thực hiện dự án, gây lãng phí, thất thoát vốn của NSNN;

- Phát sinh nợ đọng xây dựng cơ bản, do khối lượng xây dựng cơ bản đã được cân đối trong kế hoạch ĐTC, khối lượng này đã thực hiện đủ các điều kiện (có trong tổng mức đầu tư; có trong dự toán đã được duyệt; có trong hợp đồng kinh tế; đã hoàn thành đến điểm dừng kỹ thuật cho phép; được A-B nghiệm thu, bên A chấp nhận thanh toán và làm thủ tục thanh toán), nhưng lại chưa được bố trí kế hoạch đầu tư năm, vì cơ quan chức năng bố trí danh mục các dự án đầu tư dàn trải, nên không có vốn để thanh toán. Để tiếp tục thực hiện dự án, nhà thầu phải vay vốn của các ngân hàng thương mại, tổ chức tài chính để thi công xây dựng. Do vậy, nhà thầu phải trả cả gốc và lãi vay. Đó là nguyên nhân làm tăng vốn đầu tư và gây nên tình trạng nợ đọng trong hoạt động đầu tư xây dựng nói chung, hoạt động ĐTC nói riêng, gây khó khăn cho các nhà thầu;

- Các chỉ tiêu sơ bộ dự kiến nêu trong báo cáo chủ trương đầu tư đã được cấp thẩm quyền phê duyệt, nếu thời gian triển khai thực hiện đầu tư kéo dài trên 2 năm sẽ làm cho khối lượng xây dựng cơ bản thực hiện của năm trước phải tính vào năm sau, thì giá thanh toán tại thời điểm này sẽ tăng lên, vì trượt giá;

- Thiếu các căn cứ bố trí kế hoạch như dự toán, tổng dự toán công trình, thiết kế (đối với dự án, công trình chuyển tiếp có bổ sung thiết kế), nhưng chưa được duyệt bổ sung, nên giá trị khối lượng thực hiện các dự án, công trình này bị coi là chưa đủ hồ sơ thanh toán nằm ngoài kế hoạch, nên không được giải ngân. Vì vậy, tốc độ giải ngân chậm, dẫn đến hiện tượng tuy NSNN còn vốn, nhưng không đủ thủ tục và điều kiện giải ngân, thừa vốn giả tạo. Tình trạng này kéo dài nhiều năm nay, song chưa được khắc phục.

Một số đề xuất, khuyến nghị

1. Theo Luật đầu tư công, vốn ĐTC bao gồm: vốn NSNN, vốn công trái quốc gia, vốn trái phiếu chính phủ, vốn trái phiếu chính quyền địa phương, vốn ODA, vốn vay ưu đãi của các nhà tài trợ nước ngoài, vốn tín dụng đầu tư phát triển của nhà nước, vốn từ nguồn thu để lại cho đầu tư, nhưng chưa đưa vào cân đối NSNN, các khoản vay khác của ngân sách địa phương để đầu tư. Nội dung này chưa thống nhất với khái niệm vốn NSNN quy định tại Luật Ngân sách nhà nước 2015. Theo Luật Ngân sách nhà nước, tất cả các nguồn vốn nêu trên đều đã được đưa vào cân đối trong NSNN. Đề nghị sửa đổi khái niệm vốn ĐTC nhất quán với Luật Ngân sách nhà nước – vốn ĐTC là vốn NSNN dành cho đầu tư xây dựng.

2. Ngoài các dự án sử dụng vốn NSNN dành cho đầu tư, khái niệm ĐTC cần căn cứ vào đối tượng đầu tư của các dự án, chương trình phục vụ công, lợi ích chung, lợi ích cộng đồng. Tùy theo nguồn vốn, cách thức bỏ vốn đầu tư, mà lợi ích của dự án, chương trình,... sẽ thể

hiện khác nhau, cách đánh giá hiệu quả khác nhau. Như vậy, đối tượng ĐTC là đầu tư vào các dự án, các chương trình, các mục tiêu phục vụ lợi ích chung, lợi ích cộng đồng; nguồn vốn đưa vào ĐTC theo các đối tượng trên có nhiều nguồn, trong đó có nguồn vốn NSNN và các nguồn vốn khác ngoài NSNN.

3. Theo Luật Đầu tư công (khoản 7 điều 4), chủ trương đầu tư là quyết định của cấp có thẩm quyền về nội dung chủ yếu của chương trình, dự án đầu tư, làm căn cứ lập trình và phê duyệt quyết định đầu tư chương trình, dự án đầu tư, quyết định phê duyệt báo cáo nghiên cứu khả thi dự án ĐTC. Do đó, đề nghị bỏ cụm từ “dự án đầu tư”, vì thực tế Thủ tướng Chính phủ phê duyệt chương trình, còn danh mục dự án thì sau khi có kế hoạch đầu tư trung hạn 5 năm được cấp thẩm quyền phê duyệt mới triển khai được danh mục dự án cụ thể.

4. Về đối tượng ĐTC, theo Luật Đầu tư công nêu tại điều 5, thực chất mới chỉ là đối tượng được sử dụng vốn NSNN dành cho ĐTC, không phải là lĩnh vực ĐTC đầy đủ. Khái niệm ĐTC (lĩnh vực ĐTC) nêu trên chưa thống nhất với quy định về lĩnh vực chi của Luật Ngân sách nhà nước. Đề nghị sửa đổi cho phù hợp quy định của Luật Ngân sách nhà nước.

5. Điều 17, thẩm quyền quyết định chủ trương đầu tư chương trình, dự án đầu tư quy định: Quốc hội quyết định chủ trương đầu tư chương trình, mục tiêu quốc gia, dự án quan trọng quốc gia. Chính phủ quyết định chủ trương đầu tư chương trình ĐTC sử dụng vốn ngân sách Trung ương (trừ chương trình mục tiêu

quốc gia). Thủ tướng Chính phủ quyết định chủ trương đầu tư chương trình dự án: thuộc lĩnh vực quốc phòng, an ninh có mức độ tuyệt mật; dự án sản xuất chất nổ, độc hại; dự án hạ tầng khu công nghiệp, khu chế xuất, khu công nghệ cao. Người đứng đầu bộ, cơ quan Trung ương quyết định chủ trương đầu tư các dự án nhóm B, C sử dụng vốn đầu tư công, do cơ quan tổ chức mình quản lý.

Những quy định trên khá rõ ràng, thống nhất với Luật Đầu tư, Luật Ngân sách nhà nước. Tuy nhiên, nếu kết hợp điểm 2 (thẩm quyền quyết định của Chính phủ), điểm 3 (thẩm quyền phân cấp của Chính phủ); điểm 4 (thẩm quyền của Thủ tướng Chính phủ của điều 19) vào chung một điểm, thì hợp lý hơn.

6. Về thẩm quyền phê duyệt chủ trương đầu tư đối với các dự án đầu tư có sử dụng vốn của ngân sách cấp tỉnh cho cấp huyện, cấp xã quản lý cũng còn nhiều bất cập, nhất là đối với dự án sử dụng đa nguồn vốn của cả cấp tỉnh, cấp huyện, cấp xã. Do đó, cần có sự tham gia phê duyệt chủ trương đầu tư dự án của cả 3 cấp Hội đồng Nhân dân (đối với dự án nhóm B và nhóm C trọng điểm) hoặc Ủy ban Nhân dân (đối với dự án nhóm C thông thường). Quy định như vậy sẽ làm tăng thủ tục hành chính, ảnh hưởng đến tiến độ thực hiện dự án, kéo dài thời gian xây dựng.

7. Về quy định phân cấp thẩm định nguồn vốn và khả năng cân đối vốn cho chương trình, các dự án đầu tư (nêu tại điều 33 Luật Đầu tư công được sửa đổi hợp nhất tại văn bản số 01/VBHN-VPQH ngày 25/01/2022 của Văn phòng Quốc hội) đã tạo nên những vướng mắc

khi xác định nguồn và cân đối nguồn, vì những lý do sau:

- Tổng mức đầu tư dự án trong báo cáo chủ trương đầu tư, báo cáo nghiên cứu tiền khả thi mới ở giai đoạn tính toán (tạm tính) sơ bộ, nên mức độ tin cậy còn thấp;

- Tại thời điểm thẩm định nguồn vốn, kế hoạch tài chính 5 năm chưa được ban hành, nên chưa có cơ sở làm căn cứ xác định mức vốn cụ thể mà NSNN có khả năng cân đối cho từng dự án ĐTC;

- Từ những lý do phân tích nêu trên cho thấy thủ tục thẩm định nguồn vốn và khả năng cân đối nguồn vốn cho các dự án, chương trình ĐTC còn mang tính hình thức, làm tăng thủ tục đầu tư, kéo dài thời gian làm kế hoạch và triển khai thực hiện dự án;

- Điểm b, khoản 8 điều 25 quy định: Các dự án thuộc các bộ, ngành quyết định chủ trương đầu tư, dự án ngân sách Trung ương hỗ trợ có mục tiêu cho ngân sách địa phương đều phải thực hiện thủ tục thẩm định nguồn vốn do Bộ Kế hoạch và Đầu tư chủ trì, nhưng lại chưa làm rõ vai trò của Bộ Tài chính là cơ quan cân đối NSNN. Vì vậy, đề nghị sửa đổi Bộ Kế hoạch và Đầu tư cần phối hợp với Bộ Tài chính để thẩm định nguồn vốn và khả năng cân đối vốn cho các chương trình dự án ĐTC của các ngành, các địa phương;

- Đối với những dự án được thực hiện ở 2 kỳ kế hoạch vốn trung hạn chưa đủ cơ sở để xác định khả năng cân đối nguồn vốn cho dự án ở kỳ trung hạn sau. Do đó, đề nghị Luật Đầu tư công nghiên cứu để bổ sung hướng dẫn quy định xử lý về việc thẩm định đối với các dự án thuộc 2 kỳ kế hoạch trung hạn.

8. Điều 36, 37, 38, 39, 40 đều quy định trình tự lập, thẩm định, quyết định đầu tư. Trong khi đó, các chương trình, dự án ĐTC chỉ mới làm rõ trình tự (căn cứ, thẩm quyền) quyết định đầu tư, chưa quy định nội dung thẩm định chương trình, dự án ĐTC. Vì vậy, cần bổ sung nội dung này vào Luật Đầu tư công.

9. Đối tượng dự án ĐTC có nhiều loại, nhưng có thể phân làm 2 nhóm dự án nêu tại khoản 2, khoản 3, điều 8 Luật Đầu tư công, dự án ĐTC phân chia thành nhiều loại, có những dự án không thuộc lĩnh vực mục tiêu phục vụ công ích, phục vụ cộng đồng, mà làm dịch vụ, kinh doanh, như dự án xây dựng nhà ở, sản xuất vật liệu, hóa dược, khai thác dầu khí, chế tạo máy, xây dựng cảng biển, cảng sông,... Xét ở góc độ sử dụng vốn, các dự án ĐTC có nhiều đối tượng, nhưng được phân làm 2 nhóm: Nhóm dự án sử dụng vốn NSNN và nhóm dự án ĐTC sử dụng các nguồn vốn ngoài NSNN. Do vậy, cách tính toán các chỉ tiêu đánh giá hiệu quả ĐTC cũng phải khác nhau. Vì vậy, Luật Đầu tư công cần có điều khoản cụ thể, chỉ tiêu cụ thể để hướng dẫn cách đánh giá hiệu quả kinh tế, hiệu quả đầu tư để phục vụ cho công tác thẩm định đánh giá, làm cơ sở để phân loại và cân đối nguồn vốn cho dự án ĐTC.

10. Trong Luật Đầu tư công chưa có điều nào quy định hướng dẫn đối với những dự án: vì mục đích tôn giáo, dự án làm theo thiết kế mẫu, dự án quy mô nhỏ, thì không phải lập báo cáo chủ trương đầu tư, lập dự án tiền khả thi, dự án khả thi, như Nghị định số 52/199/NĐ-CP ngày 08/7/1999 của Chính phủ trước đây, mà chỉ lập báo cáo kinh tế - kỹ thuật

để đơn giản giảm bớt thủ tục, rút ngắn thời gian thực hiện dự án và tiết kiệm vốn đầu tư trong khâu lập dự án đầu tư.

11. Để có căn cứ thẩm định dự án, phê duyệt dự án, cần nghiên cứu để đưa ra hệ thống các tiêu chí, tiêu chuẩn và giới hạn các chỉ tiêu kinh tế - kỹ thuật sử dụng trong hoạt động đầu tư xây dựng các dự án đầu tư xây dựng nói chung, dự án ĐTC nói riêng. Trong Luật Đầu tư công đã quy định vai trò, quyền hạn của người phê duyệt, quyết định, thẩm định các chương trình, dự án đầu tư xây dựng thì cũng nên quy định trách nhiệm của những người này khi phê duyệt, quyết định, thẩm định chương trình, dự án ĐTC để nâng cao tính thận trọng, tránh những sai sót từ khâu phê duyệt chủ trương đầu tư, quyết định đầu tư, thẩm định dự án đầu tư nhằm tránh thất thoát lãng phí vốn ĐTC của NSNN.

12. Hiện nay trong hoạt động đầu tư xây dựng, các nhà quản lý, các nhà thầu, các nhà đầu tư, chủ đầu tư đều phải nghiên cứu, chấp hành các luật liên quan trực tiếp đến đầu tư, bao gồm: Luật Ngân sách nhà nước, Luật Đầu tư công, Luật

Xây dựng. Do vậy, cần rà soát lại các khái niệm, các nội dung để đảm bảo tính thống nhất giữa Luật Đầu tư công với các văn bản pháp luật có liên quan.

Thay cho lời kết

Bài viết này đã phân tích, làm rõ 5 ưu điểm, 7 tồn tại và đề xuất 12 kiến nghị cụ thể để nghiên cứu, bổ sung hoàn thiện Luật Đầu tư công hợp nhất được Văn phòng Quốc hội thông báo tại văn bản số 01/VBHN-VPQH ngày 25/01/2022. Tuy nhiên, đối tượng các dự án đầu tư là những dự án cụ thể trong hệ thống các dự án đầu tư xây dựng nói chung cũng đã được quy định trong Luật Xây dựng. Vì vậy, nếu Luật Đầu tư công đưa vào một chương, hoặc một phần của Luật Xây dựng thì sẽ hợp lý hơn, tránh được sự trùng lặp và giảm thiểu việc ban hành các văn bản hướng dẫn về thủ tục quản lý, điều hành dự án ĐTC nói riêng, dự án đầu tư nói chung, vì mỗi một luật phải ban hành nghị định của Chính phủ và một số thông tư hướng dẫn của các bộ quản lý liên quan. Do đó công tác quản lý, điều hành công kênh, phức tạp, tính chủ động của chủ đầu tư bị hạn chế./.

Tài liệu tham khảo

1. Luật Đầu tư công số 49/2014/QH13 ngày 18/6/2014.
2. Luật Xây dựng số 50/2014/QH13 ngày 18/6/2014.
3. Luật Đầu tư số 59/2015/QH 11 ngày 18/6/2015.
4. Nghị định số 59/2015/NĐ-CP ngày 31/12/2015 về quản lý dự án đầu tư xây dựng.
5. Nghị định số 136/2015/NĐ-CP ngày 31/12/2015 hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Đầu tư công.
6. Luật Đầu tư công số 01/VBHN ngày 25 tháng 01 năm 2022 của Văn phòng Quốc hội.